

PHỤ LỤC

CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ TĂNG THU, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI VÀ
NGUỒN CHƯA SỬ DỤNG ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Long Phụng)

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ	23.790.076.808	
A	Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm nay	7.240.507.230	Chi tiết tại phụ biểu số 01
I	Nguồn tăng thu năm 2025 thực hiện so với dự toán HĐND xã giao	3.118.459.114	
II	Nguồn thu đóng góp đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng trong năm 2026	2.795.548.678	
1	Thu đóng góp năm 2025 chưa sử dụng hết	452.618.486	
2	Thu đóng góp từ năm 2024 trở về trước	2.342.930.192	
III	Dự toán chi còn lại đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng trong năm 2026	1.326.499.438	
B	Các khoản kinh phí chưa sử dụng, chưa thực hiện hết được phép chuyển nguồn	16.549.569.578	
I	Kinh phí cấp sau 30/9	5.438.485.852	Chi tiết tại phụ biểu số 02
II	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị SNCL	3.199.669.992	Chi tiết tại phụ biểu số 03
III	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (vốn đầu tư)	1.646.320.000	Chi tiết tại phụ biểu số 04
IV	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (vốn sự nghiệp)	4.906.093.734	Chi tiết tại phụ biểu số 05
V	Kinh phí thực hiện đầu tư công (vốn tỉnh)	560.000.000	Chi tiết tại phụ biểu số 06
VI	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội	799.000.000	Theo Công văn số 1527/STC-QLNN, ngày 09/3/2026 của Sở Tài chính và PL thẩm định kèm theo
1	Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội	799.000.000	

PHỤ LỤC 01

CHUYỂN NGUỒN TĂNG THU VÀ DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Long Phụng)

ĐVT: Đồng

STT	Nội Dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	7.240.507.230	
I	Trích 70% tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	3.157.132.918	
II	CHI THUỒNG XUYỀN	635.141.734	
1	Bổ trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác	300.000.000	Từ nguồn tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại
2	Trả nợ kiêm kê đất đai năm 2024 và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của các xã cũ và xã Long Phụng (32.444.000 đồng)	335.141.734	
III	CHI ĐẦU TƯ	3.448.232.578	
1	Bổ trí trả nợ công trình hoàn thành, quyết toán	2.898.232.578	
1.1	<i>Từ nguồn tăng thu</i>	<i>400.396.000</i>	
-	Công trình: Tuyển Dốc Ông Dợn - Lê Văn Hồng	9.592.000	Đã quyết toán
-	Công trình: BTXM tuyển Nguyễn Văn Xuân - Xăng dầu nối dài vật liệu Ba Trang	16.222.000	
-	Công trình: Sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Đức Lợi (cũ)	19.262.000	
-	Nguyễn Trường Ánh - Đinh Văn Tẩy	29.000.000	
-	Nguyễn Biên - Cô Năm	5.000.000	
-	Trần Kiều - Đinh Quang Linh	24.000.000	
-	Tuyển từ UBND xã - Trần Anh Tuấn - Nguyễn Mua	8.000.000	
-	Nhà văn hóa xã Đức Lợi	22.000.000	
-	Đường BTXM tuyển Cầu cống - Đường xã	125.000.000	Chưa quyết toán
-	Đường BTXM tuyển Ngõ Ái - Gò Đường (GĐ 2)	30.000.000	
-	Kiên cố hóa tuyến kênh Công chùa An Long - Cầu xóm 2	68.000.000	
-	Nâng cấp Bìa di tích và cải tạo cảnh quan khu di tích căn cứ Xóm 12, 13 xã Đức Nhuận	44.320.000	
1.2	<i>Từ nguồn vốn đóng góp</i>	<i>2.497.836.578</i>	
*	Công trình đã phân bổ dự toán năm 2025 nhưng chưa sử dụng hết, phân bổ lại	1.839.836.578	
-	Bê tông đường Nghĩa địa tuyển Ngõ Ái-Gò Đường (GĐ1)	18.323.028	
-	Đường GTNT, tuyển Chợ huyện - Ngõ Chùa	4.407.000	
-	Kênh Bơm Bờ tân (Bơm bờ Tân - Bầu dài)	3.500.000	
-	GTNT Ngõ Tụ - Vườn Tinh;(Km0-Km0+905,4),	8.656.000	
-	Tuyển Đoàn Luật - Trước Viên (Ngõ Hương - Trước Viên)	6.679.350	
-	Đường GTNT tuyển Võ Kim Anh - Bầu Dài	5.397.000	
-	Đường GTNT tuyển Ngõ Cúc - Ngõ Tích	15.072.000	
-	Đường xã: BTXM tuyển Chợ Vom - Cầu Máng	103.800.000	
-	Đường xã: BTXM tuyển Trạm Bơm HTXNN - Đập Bến Thóc	1.500.000	
-	Đường thôn: Tuyển Bàng Di Tích - Ngõ Thái	92.000.000	
-	Đường thôn: Tuyển Nguyễn Ngọc Dũng - Ngã ba nội đồng	7.900.000	
-	Đường thôn: Tuyển Phạm Cân - Lê Phu - Huỳnh Tới	23.900.000	
-	Đường thôn: Tuyển Ngõ Be - Ngõ Năm Lô	727.000	
-	KCH kênh từ S18 - Huỳnh Trung	37.109.000	
-	KCH kênh từ Cổng Kít rào hai Tỉnh - Ruộng Nguyễn Hoa Rộc Sa	1.300.000	
-	KCH kênh Phạm Cân - Lê Phu	31.500.000	
-	KCH kênh từ ngõ Huỳnh - Bùi Dục (GĐ2)	21.900.000	
-	Nhà văn hóa xã Đức Hiệp	81.600.000	
-	Nhà văn hóa thôn Chú Tượng	51.900.000	
-	Đường thôn tuyển Cầu Bà Nông-Giáp đồng Phú An	22.904.000	
-	Nhà làm việc BCHQS xã Đức Hiệp	1.995.000	
-	Tuyển ngã tư Vinh Phú - Đập Ngăn Mặn	25.000.000	
-	Đường thôn tuyển Chợ An Chuẩn - Trạm Biên phòng Cửa Lở	5.000.000	
-	Hệ thống điện Xóm A	93.123.000	
-	Đường xã BTXM: Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã từ Nhà Văn hóa thôn Kỳ Tân đến ngã tư ông Tâm (gđ 1)	30.000.000	
-	Hệ thống mương tiêu nước vùng SXNN xóm C, thôn An Mô, xã Đức Lợi	4.343.000	
-	Hệ thống thoát nước Trung tâm xã (gđ 2)	23.758.000	
-	Đường xã BTXM: Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã từ ngã tư ông Tâm đến ngã ba Vinh Phú (gđ 2)	14.035.000	
-	Đường xã: Tuyển Mỹ Khánh - Gia Hòa	19.665.000	

STT	Nội Dung	Số tiền	Ghi chú
-	Đường xã: Tuyến Ngõ Churu - Đức Chánh (gđ 3)	2.339.000	Đã quyết toán
-	Đường xã: Tuyến trường Tiểu học - Nhà văn hóa thôn Đại Thạnh	12.005.300	
-	Đường thôn: Lê Quang Ba - Rừng Dương	142.508.000	
-	Đường thôn: Huỳnh Ngọc Ấn - Trịnh Thị Thơ	28.962.000	
-	Đường thôn: Trần Thanh - Lê Tuấn Chín	14.577.000	
-	Đường thôn: Ngã 3 Đường xã - Phan Tinh	7.498.400	
-	Đường thôn: Lê Thị Sương - Nguyễn Đạt	16.234.000	
-	Đường thôn: Lê Tuấn Trai - Song	1.553.000	
-	KCH tuyến kênh mương Máng (Cổng Thoại)	2.494.700	
-	KCH tuyến kênh tưới Soi La	28.949.400	
-	Sân thể thao các thôn: Thanh Long, Gia Hòa, Mỹ Khánh, Dương Quang	776.000	
-	Hệ thống nước sinh hoạt 03 thôn: Gia Hòa, Tân Định, Dương Quang	105.939.000	
-	Cảnh quan môi trường thôn Gia Hòa	903.000	
-	Đường thôn BTXM tuyến Chuyên - Khuê	13.599.000	
-	Cầu bắc qua đường Cổng Đồi	71.239.000	
-	Trường Mầm non Đức Lợi	6.777.000	
-	Đường xã BTXM: Tuyến Lê Minh Chín - Lê Văn Thơ	9.268.000	
-	Đường xã BTXM: Tuyến ven biển KDV Trùng Dương - Trạm biên phòng Đức Lợi (gđ 3)	6.585.000	
-	Đường xã BTXM: Nâng cấp tuyến đường ngã tư Vinh Phú - KDV Trùng Dương	26.655.000	
-	Lò Gạch Cũ - Xóm Ba	62.000.000	
-	Đường BTXM tuyến đường tỉnh 627B - Lê Tuấn Định	4.262.000	
-	Đường BTXM tuyến đường tỉnh 627B - Nguyễn Văn Minh	6.324.000	
-	Tuyến Chợ Đức Lợi - KDC Tân Phú - Võ Văn Đưa	24.433.000	
-	Tuyến Dương Tân Trang - Lê Văn Hùng kéo dài	50.000.000	
-	Tuyến Nguyễn Thị Rân - Phan Thanh Huy nối dài	31.684.000	
-	Lê Quốc Chu - Tổng Minh	9.969.000	
-	Nguyễn Trường Ánh - Đình Văn Tây	33.000.000	
-	Trần Kiều - Đình Quang Linh	4.433.000	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Vinh Phú	45.225.000	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Chuẩn	6.713.000	
-	KCH tuyến kênh S18-2-5 kéo dài (gđ 3)	25.000.000	
-	KCH tuyến kênh S18-2-5-4 (gđ 3)	30.000.000	
-	KCH tuyến kênh S18-2-Nghĩa Từ	10.345.000	
-	KCH tuyến kênh mương Rộc Phát	25.000.000	
-	KCH kênh Bà Ché - Ngòi (S18-2-mương Bà Ché)	17.282.000	
-	KCH tuyến kênh nổi Đồng Rừng	15.000.000	
-	KCH tuyến kênh S18-2-9-Đồng Nam Biên 2	15.653.000	
-	KCH tuyến kênh S18-2-Rào Thành	1.060.000	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Tinh	11.926.000	
-	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tân Định	78.263.400	
-	Nhà văn hóa thôn Dương Quang	13.609.000	
-	Đường xã BTXM: Tuyến ven biển KDV Trùng Dương - Trạm biên phòng Đức Lợi (gđ 5)	60.800.000	
-	KCH tuyến kênh S18-2-5-4 (gđ 4)	2.000.000	
*	Công trình xi măng năm 2025	658.000.000	Chưa quyết toán
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn An Tinh	18.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn Gia Hòa	55.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn Dương Quang	75.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn Thanh Long	21.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn Mỹ Khánh	24.000.000	
-	Tuyến đường tỉnh - Phan Trinh	5.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn An Mô	23.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn Phú An	37.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn Phước Sơn	63.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn Nghĩa Lập	16.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn An Long	20.000.000	
-	Đường BTXM thôn 2	35.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn 2	8.000.000	
-	Đường BTXM thôn 8	4.000.000	
-	Tỉnh lộ - Ngõ Tấn	14.000.000	
-	Đường bê tông - Ngõ Hải	5.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn 1	70.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn 3	17.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn 4	34.000.000	

STT	Nội Dung	Số tiền	Ghi chú
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn 5	40.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn 7	45.000.000	
-	Đường BTXM ngõ xóm thôn 8	29.000.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm hành chính xã Long Phụng	550.000.000	Trong đó vốn đóng góp: 297.712.100 đồng

PHỤ LỤC 02
CHUYỂN NGUỒN DỰ TOÁN CẤP SAU 30/9 KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
SANG NĂM 2026 TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Long Phụng)

Đvt: đồng

STT	Nội dung / Nguồn kinh phí	Kinh phí	Ghi chú
A	Kinh phí được cấp có thẩm quyền bổ sung sau 30/09	5.438.485.852	
1	Văn phòng HĐND&UBND xã	46.000.000	
	Kinh phí hỗ trợ các thôn lấy ý kiến nhân dân về Đề án hợp nhất Đơn vị hành chính cấp tỉnh và sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã năm 2025	46.000.000	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
2	Phòng Kinh tế xã	706.229.850	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu cấp huyện chuyển về xã	285.852.000	
-	Kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính	130.024.850	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
-	Kinh phí xác định giá đất khi thu hồi đất thực hiện DA đầu tư công	290.353.000	
3	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	767.780.002	
-	Kinh phí chi hỗ trợ cho các đối tượng BTXH theo NĐ 176/2025/NĐ-CP	108.250.000	
-	Kinh phí mua sắm máy tính	19.000.000	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
-	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục	640.530.002	
4	Trung tâm phục vụ hành chính công xã	14.476.000	
-	Kinh phí sửa chữa Trung tâm hành chính công	14.476.000	Kinh phí hỗ trợ hỗ trợ các xã phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)
5	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã	274.000.000	

-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP	274.000.000	-
6	Đảng ủy xã	330.000.000	
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở Đảng ủy	330.000.000	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
7	Kinh phí chưa phân khai	3.300.000.000	
-	Kinh phí để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các đơn vị hành chính cấp xã	1.800.000.000	Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
-	Kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trường lớp học	1.500.000.000	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

PHỤ LỤC 03

CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO TỰ CHỦ NĂM 2025 SANG 2026 TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Long Phụng)

Đvt: đồng

STT	Nội dung / Nguồn kinh phí	Kinh phí	Mã nguồn NSNN	Ghi chú
A	Kinh phí được giao tự chủ (KP thực hiện chính sách tiền lương, CCTL)	3.199.669.992		
1	Trường Mầm non Đức Nhuận	323.381.981	Nguồn 13	
2	Trường Mầm non Đức Hiệp	29.089.462		
3	Trường Mầm non Đức Thắng	74.576.797		
4	Trường Mầm non Đức Lợi	280.562.755		
5	Trường Tiểu học Bồ Đề	186.888.031		
6	Trường Tiểu học Năng An	73.552.331		
7	Trường Tiểu học Đức Thắng	127.770.312		
8	Trường Tiểu học Đức Lợi	991.210.049		
9	Trường Tiểu học Đức Hiệp	118.571.919		
10	Trường THCS Nguyễn Bá Loan	232.509.506		
11	Trường THCS Đức Hiệp	229.401.703		
12	Trường THCS Đức Thắng	196.140.836		
13	Trường THCS Đức Lợi	336.014.310		

Phụ biểu số 04
CHUYỂN NGUỒN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC CT MTQG NĂM 2025 SANG NĂM 2026 TIẾP TỤC THỰC HIỆN (VỐN ĐẦU TƯ)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Long Phụng)

Đvt: đồng

STT	Nội dung / Nguồn kinh phí	Mã số dự án	Kinh phí chuyển nguồn 2025 sang 2026 tiếp tục thực hiện		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Kinh phí tạm ứng	
	TỔNG		1.646.320.000	-	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		787.220.000		
*	Mã nguồn 43		787.220.000		
	NSTW		193.209.000		
	. Xây dựng công viên văn hóa, điểm dừng chân tại Cửa Lờ, thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi	8040971	36.417.000		
2	KCH tuyến kênh S18-2-5-4 (GD4)	8148066.	2.123.000		
3	Đường xã tuyến UBND xã đi bãi Dầu(Phước Sơn - Phú An)	8034445.	20.550.000	Năm 2024 chuyển sang	
4	Đường xã BTXM: Tuyến ven biển KDV Trùng Dương - Trạm biên phòng Đức Lợi (GD 4)	8042162.	21.563.000		
5	Đ. thôn BTXM: Nâng cấp tuyến đường Trường Mầm non Đức Lợi - Phạm Tấn An	8045105.	47.579.000		
6	Kiên cố hóa tuyến kênh Đồng Bến Bè	8053298.	32.533.000		
7	Đ.Xã BTXM tuyến Ngõ Ngọc-Ngõ Huy	8081803.	32.444.000		
	NST		594.011.000		
1	Xây dựng công viên văn hóa, điểm dừng chân tại Cửa Lờ, thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi	8040971.	2.100.000		
2	Sân vận động thể thao xã Đức Nhuận	7986401	19.700.000	Năm 2024 chuyển sang	
3	Hệ thống mương tiêu nước vùng SXNN xóm C, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức; hạng mục: Kênh và các công trình trên kênh	7986391.	60.000.000		
4	KCH kênh S18 - 2 - Gò Vo - Đồng Gò	8035873.	57.800.000	Trong đó: 46,2 triệu đồng năm 2024 chuyển sang	
5	KCH tuyến kênh S18-2-5 nối dài	8088250.	5.281.000		
6	KCH kênh Nhị Cầu Cát - Trước Viên Ngõ Hàn	8144334.	5.927.000		
7	KCH tuyến kênh S18-2-5-4 (GD4)	8148066.	265.000		
8	Kiên cố hóa tuyến kênh Cổng Chùa An Long - Cầu xóm 2	8168828.	124.099.000		
9	Đ. Xã BTXM: Tuyến Lê Minh Chín - Lê Văn Thor; Hạng mục: nền, mặt đường và thoát nước	7986129.	50.000.000		
10	Đ.xã BTXM Tuyến Ngõ Quỳnh-Ngõ Toạ	8029558.	12.000.000		
11	Đường xã tuyến UBND xã đi bãi Dầu(Phước Sơn - Phú An)	8034445.	27.200.000		
12	Đường xã BTXM: Tuyến ven biển KDV Trùng Dương - Trạm biên phòng Đức Lợi (GD 4)	8042162.	4.900.000		
13	Đ. thôn BTXM: Nâng cấp tuyến đường Trường Mầm non Đức Lợi - Phạm Tấn An	8045105.	3.400.000		
14	Công phục vụ vùng sản xuất bãi Dầu	8048256.	3.751.000		
15	Đ.thôn tuyến Ngõ Chư - Lê Tuấn Huệ	8051463.	13.300.000		
16	Đ.Xã BTXM tuyến Ngõ Ngọc-Ngõ Huy	8081803.	33.415.000		
17	Đường và kè chống lũ thôn Phú An	8086670.	8.611.000		
18	Đ.thôn BTXM tuyến Trần Bại – Lương Giảng	8089007.	3.291.000		
19	Đ.thôn BTXM tuyến Ngõ Hết – Thi	8089008.	15.813.000		
20	Đ.Thôn BTXM tuyến Nguyễn Thanh Tâm - Nguyễn Bọc	8148068.	1.836.000		
21	Đường xã, BTXM Tuyến ven biển KDV Trùng Dương – Trạm biên phòng Đức Lợi (GD5)	8150098.	10.931.000		
22	Đường BTXM tuyến Ngõ Ái - Gò đường (GD2)	8168793.	8.620.000		
23	Đường thôn BTXM tuyến Cầu cống – Đường xã	8168827	121.771.000		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia chưa phân bổ		859.100.000		
1	Kinh phí được bố trí vốn nhưng chưa phân bổ (Chương trình MTQG NTM)	1144055	859.100.000		

CHUYÊN NGUỒN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC CT MTQG NĂM 2025 SANG NĂM 2026 TIẾP TỤC THỰC HIỆN (VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Long Phụng)

Đvt: đồng

ST	Nội dung / Nguồn kinh phí	Mã CTMT	Kinh phí	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		4.906.093.734		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		1.737.988.172		
1	Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới		83.295	UBMTTQVN xã (820-361)	
	* Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phòng trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các chi hội nông dân nghề nghiệp, tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	10499	83.295		
2	Nội dung thành phần 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn		250.000.000	Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã (821-281)	Nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2024 trở về trước
	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp (xã Đức Nhuận cũ)	10493	250.000.000		
3	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn		3.302.000	Văn phòng HĐND&UBND xã (830-041)	
	* Nội dung 01: Tăng cường công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn; triển khai hiệu quả chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	1051	3.302.000		
4	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phòng trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới		210.000	Văn phòng HĐND&UBND xã (830-338)	
	* Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	1052	210.000		
5	Nội dung thành phần số 02. Phát triển hạ tầng - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền		250.000.000	Phòng Kinh tế xã (831-262)	
	* Nội dung 11: Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn	10492	250.000.000		
6	Nội dung thành phần 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn		304.000.000	Phòng Kinh tế xã (831-281)	
	* Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp	10493	304.000.000		
7	Duy tu bảo dưỡng và vận hành các công trình sau đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng	20492	7.576.000	Phòng Kinh tế xã (831-292)	
	Nâng cấp sửa chữa Đường BTXM tuyến Bưu Điện – Nguyễn Văn Sơn (xã Thắng Lợi cũ)		6.220.000		
	Duy tu bảo dưỡng tuyến đường Nguyễn Lục - Võ Thông (xã Đức Hiệp cũ)		1.356.000		
8	Nội dung thành phần 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn		8.227.000	Phòng Văn hóa - Xã hội (832-338)	
	* Nội dung 01: Nâng cấp hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	10496	8.227.000		
9	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn		8.178.000	Phòng Văn hóa - Xã hội (832-338)	
	Nội dung 05: Công trình hạ tầng kỹ thuật Sáng - xanh - sạch - đẹp tuyến KDV Trùng Dương - Trạm Biên Phòng (Thắng Lợi cũ)	20497	7.549.000		
		10497	629.000		
10	Nội dung thành phần 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn		900.000.000	Phòng Văn hóa - Xã hội (832-322)	Nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2024 trở về trước
	Nội dung 08: Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM (xã Thắng Lợi cũ)	10493	900.000.000		
11	Nội dung thành phần số 8: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới		6.411.877	Trung tâm phục vụ hành chính công (822-341)	
	* Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công	20498	6.411.877		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		3.075.113.562		
1	Dự án 3: Hỗ trợ PTSX, cải thiện dinh dưỡng		115.000.000	Phòng Văn hóa- xã hội xã (832-341)	
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	10473	100.000.000		
a.		20473	15.000.000		
2	Dự án 4: Phát triển GDNN, việc làm bền vững		1.359.638.312	Phòng Văn hóa- xã hội xã	
	Tiểu DAI : Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn	10474	732.681.500		

a.	<i>tiêu DAI : PHU THUC QUYN vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	20474	146.723.062	Trọng Văn Hoa- xã Nội Xá (832-341)	
b.	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	10474	464.457.250		
		20474	15.776.500		
3	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		147.295.000	Phòng Văn hóa- xã hội xã (832-341)	
a.	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	10476	78.750.000		
		20476	12.305.000		
b.	Tiểu DA2 (Truyền thông về giảm nghèo đa chiều)	10476	43.350.000		
		20476	12.890.000		
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình		418.180.250	Phòng Kinh tế (831-341)	
a.	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực chương trình	10477	345.174.235		
		20477	51.062.415		
b.	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	10477	14.393.600		
		20477	7.550.000		
5	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		1.035.000.000	Trung tâm cung ứng dịch vụ công (821-338)	
a.	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	10472	900.000.000		
		20472	135.000.000		
III	Kinh phí được bố trí vốn nhưng chưa phân bổ (Chương trình MTQG NTM)		92.992.000	UBND xã Long Phụng (Công trình chưa phân bổ)	<i>Nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2024 trở về trước</i>
1	Duy tu bảo dưỡng và vận hành các công trình sau đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng		13.920.000		
a.	Công trình hệ thống nước thải sinh hoạt Ngõ Quỳnh - Cống Tọa (xã Đức Nhuận cũ)	20492	5.350.000		
b.	Công trình duy tu bảo dưỡng tuyến Quốc Lộ 1A - Xóm Huỳnh	20492	8.570.000		
2	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn		17.184.000		
a.	Hệ thống điện chiếu sáng thôn 1	10497	17.184.000		
3	Đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo	20472	14.850.000		
	Dự án bò cái lai sinh sản		14.850.000		
4	Quy hoạch đô thị xây dựng đô thị điểm dân cư nông thôn	20491	47.038.000		

Phụ biểu số 06

KINH PHÍ CHUYỂN NGUỒN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày 09/3/2026 của UBND xã Long Phụng)

Đvt: đồng

STT	Nội dung / Nguồn kinh phí	Mã số dự án	Kinh phí chuyển nguồn 2025 sang 2026 tiếp tục thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Tổng số	Trong đó: Kinh phí tạm ứng	
	TỔNG		560.000.000	-	
I	Vùng sản xuất nông nghiệp Bốn Mẫu và Mẫu Trại	8129750	560.000.000	-	